

Bản án số: **144** /2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 7 - 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Văn Tuyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lê Quang Luân - Cán bộ hưu trí

2. Ông: Hoàng Văn Bốn - Cán bộ hưu trí .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Hàm Yên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa:* Bà
Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12
năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 15/2019/QĐXX - ST, ngày 07 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số
10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Xuân Hòa, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Phòng giao dịch Ngân hàng chính
sách xã hội huyện Y.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Minh Ng - Cán bộ tín dụng.

(*Chị Tho, chị Ng có mặt; anh H vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn
Thị Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Tạ Xuân H kết hôn với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên vào ngày 23/12/2005 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn Bình Minh, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 9/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị đi làm công ty thì anh H nghi ngờ, không tin tưởng chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không sống chung với anh H được, nên chị và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh với anh Tạ Xuân H.

- *Về con chung*: Chị và anh Tạ Xuân H có hai con chung là cháu Tạ Thị Kiều Tr, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Tạ Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với anh H. Do hiện nay chị đang đi làm công nhân ở Hải Dương, thu nhập thấp và đang phải ở nhà trọ chưa có nhà riêng, nên chị nhất trí để anh H nuôi dưỡng cả hai cháu và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H cho mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng (Một triệu đồng/cháu/tháng) đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

- *Về tài sản chung*: Chị và anh Tạ Xuân H có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Hiện tại chị và anh Tạ Xuân H còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng), vay từ ngày 06/6/2015, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với lãi suất 0.75%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/6/2020. Chị và anh H mới trả được số tiền lãi theo hàng tháng, còn nợ gốc chưa trả. Chị Th xác định là khoản nợ chung nên chị và anh H có trách nhiệm mỗi người trả một nửa số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Đối với khoản vay 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), vay từ ngày 17/3/2016, quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án chị và anh H đã trả xong cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên, nên không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn anh Tạ Xuân H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Hòa trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị Th sau một thời gian tìm hiểu thì đã tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên vào ngày 23/12/2005 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn Bình Minh, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 9/2017 chị Th đi làm ăn ở công ty thì tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, nay chị Th xin ly hôn anh nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

- *Về con chung*: Anh và chị Nguyễn Thị Th có hai con chung là cháu Tạ Thị Kiều Tr, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Tạ Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011. Hiện các cháu đang ở với anh.

Quá trình giải quyết vụ án anh H không có quan điểm nhất quán về việc giao nuôi con chung, cụ thể: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019 anh H nhận nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu với số tiền từ 3.000.000đồng đến 4.000.000đồng/ tháng; tại biên bản hòa giải ngày 25/02/2019 anh H nhất trí với mức cấp dưỡng như chị Th đưa ra là 1.000.000đồng/tháng/cháu (Một triệu đồng/cháu/tháng); tại đơn đề nghị đề ngày 02/3/2019 anh H xác định chị Th đi làm từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 3 năm 2019, nhưng không gửi tiền về để anh nuôi con ăn học. Do vậy anh H yêu cầu chị Th phải trả cho anh H số tiền nuôi một cháu là 2.000.000đồng/tháng x 17 tháng = 34.000.000đồng (Ba mươi tư triệu đồng). Tuy nhiên tại đơn đề nghị đề ngày 15/4/2019 anh H lại nhất trí để chị Th nuôi một cháu và cũng tại đơn đề ngày 15/4/2019 anh H lại xác định trường hợp chị Th không nuôi một cháu thì chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cùng anh nuôi cháu Tạ Thị Kiều Tr với số tiền 18.000.000đồng/năm x 06 năm = 108.000.000đồng (Một trăm linh tám triệu đồng) và chị Th phải trả trước một lần với số tiền là 54.000.000đồng (Năm mươi tư triệu đồng), số còn lại anh Hòa cho nợ 01 (một) năm.

- *Về tài sản chung*: Anh và chị Nguyễn Thị Th có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh và chị Nguyễn Thị Th có nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên hai khoản vay:

Khoản vay thứ nhất với số tiền vay 12.000.000đồng (*Mười hai triệu đồng*), vay từ ngày 06/6/2015, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với lãi suất 0.75%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/6/2020.

Khoản vay thứ hai với số tiền vay 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*), vay từ ngày 17/3/2016, vay theo chương trình giải quyết việc làm với lãi suất 0.55%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/3/2019.

Anh H xác định là vay nợ chung nên anh nhất trí với yêu cầu của chị Th là cả anh và chị Th đều phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

* *Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên trình bày*:

Ngày 06/6/2015 hộ gia đình anh Tạ Xuân H và chị Nguyễn Thị Th, địa chỉ: Thôn Bình Minh, xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên với số tiền là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), theo sổ vay vốn mã món vay số 6600000704513434, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, với lãi suất là 0.75%/tháng, thời hạn vay là 05 năm, định kỳ trả gốc 06 tháng 1 lần với số tiền phải trả là 1.300.000đồng/ kỳ thời hạn trả nợ lần cuối là ngày 06/6/2020, hàng tháng chị Th và anh H trả lãi đầy đủ, tính đến ngày trả lãi lần cuối là ngày 17/01/2019 và tổng số tiền lãi đã trả là 3.946.726đồng (Ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng), nay chị Th xin ly hôn với anh H Phòng giao dịch Ngân

hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên cầu Tòa án phân định nghĩa vụ của chị Th, anh H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số nợ gốc và lãi phát sinh và chị Th, anh H phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng đến thời hạn trả cuối cùng, đồng thời mong muốn chị Th, anh H trả số tiền đã vay cho phòng giao dịch trong thời gian sớm nhất.

Đối với khoản vay 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), vay từ ngày 17/3/2016, vay theo chương trình giải quyết việc làm với lãi suất 0.55%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 06/3/2019 như anh H trình bày. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Th và anh H đã trả xong cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội (mỗi người trả $\frac{1}{2}$ tiền gốc và lãi phát sinh), nên Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành việc triệu tập tham gia phiên tòa của Tòa án.

- *Về nội dung*: Chị Th và anh H kết hôn với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên vào ngày 23/12/2005, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện chị Th và anh H sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh H đã trầm trọng. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th và xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Tạ Xuân H. Về con chung giao cháu Tạ Thị Kiều Tr, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Tạ Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011 cho anh Tạ Xuân H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Tạ Thị Kiều Tr và cháu Tạ Tuấn A là 1.000.000đồng/ cháu/ tháng (Một triệu đồng/cháu/tháng) đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về nợ chung buộc chị Th, anh H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số nợ gốc, lãi phát sinh đối với khoản vay theo sổ vay vốn mã món vay số 6600000704513434 đồng thời chị Th và anh H phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng đến thời hạn trả cuối cùng là ngày 06/6/2020.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th và đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; bị đơn anh Tạ Xuân H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Tạ Xuân H kết hôn với nhau từ năm 2005 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên vào ngày 23/12/2005 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị Th xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 9/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị đi làm công ty thì anh H nghi ngờ, không tin tưởng chị dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do không sống chung với anh H được, nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Anh H xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 9/2017 chị Th đi làm ăn ở công ty thì tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Th và anh H thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chị Th và anh H đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2017 đến nay. Trường hợp chị Th và anh H về đoàn tụ gia đình thì cũng không có hạnh phúc. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị Th và anh H không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ, quá trình giải quyết vụ án anh H cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Th. Do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Tạ Xuân H có hai con chung là cháu Tạ Thị Kiều Tr, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Tạ Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011, hiện các cháu đang ở với anh H. Quá trình giải quyết vụ án các bên không thống nhất được với nhau về giao nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng qua hỏi ý kiến của các cháu Tạ Thị Kiều Tr và cháu Tạ Tuấn A, các cháu đều có nguyện vọng ở với anh H và thực tế từ khi chị Th sống ly thân với anh H thì các cháu luôn ở cùng anh H, mặt khác thấy rằng hiện tại chị Th đang đi làm công nhân, chưa có nhà riêng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Tạ Thị Kiều Tr, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Tạ Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011 cho anh Tạ Xuân H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Đối với yêu cầu của anh H về việc chị Th đi làm từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 3 năm 2019, nhưng không gửi tiền về để anh nuôi con ăn học. Do vậy anh yêu cầu chị Th phải trả cho anh số tiền nuôi một cháu là 2.000.000đồng/tháng x 17 tháng = 34.000.000đồng (Ba mươi tư triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng thời gian từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 3 năm 2019 là thời gian chị Th và anh H vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, mặt khác anh H không cung cấp chứng cứ để chứng minh việc chị Th không gửi tiền về để nuôi dưỡng con chung và chứng cứ chứng minh trong thời gian đó anh H không đủ điều kiện

nuôi dưỡng con chung. Do vậy không có căn cứ chấp nhận; đối với yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cùng anh H nuôi cháu Tạ Thị Kiều Tr với số tiền 18.000.000đồng/năm x 06 năm = 108.000.000đồng (Một trăm linh tám triệu đồng) và phải trả trước một lần với số tiền là 54.000.000đồng (Năm mươi tư triệu). Hội đồng xét xử thấy rằng chị Th hiện là công nhân thu nhập thấp, mặt khác từ khi vợ chồng ly thân anh H vẫn nuôi dưỡng các cháu phát triển bình thường, sức khỏe của anh H bình thường, có khả năng lao động có thu nhập. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần.

Qua xác minh tại địa phương xác định anh H nghề nghiệp chính là làm ruộng, thỉnh thoảng có đi phụ xây với mức thu nhập khoảng 4,5 triệu đến 06 triệu đồng/tháng. Tại phiên tòa chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H cho mỗi cháu là 1.000.000đồng/ tháng (Một triệu đồng/cháu/tháng) đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Vì vậy để đảm bảo sự phát triển của các cháu cần buộc chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H cho mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng (Một triệu đồng/cháu/tháng) là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Th và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về công nợ chung*: Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên xác định chị Th và anh H có vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên với số 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), vay từ ngày 06/6/2015, vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với lãi suất 0.75%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/6/2020. Thấy rằng khoản vay nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mặt khác chị Th và anh H đều thừa nhận vay nợ chung. Do vậy đây là khoản nợ chung, chị Th và anh H đều phải có nghĩa vụ như nhau về việc trả số tiền đã vay cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên. Mặc dù số nợ gốc phải trả theo kỳ anh H, chị Th chưa trả cho phòng giao dịch, nhưng do đến ngày 06/6/2020 mới là hạn trả nợ cuối cùng và đại diện phòng giao dịch đề nghị chị Th, anh H, mỗi người chịu ½ nghĩa vụ và tiếp tục thực hiện hợp đồng. Do vậy cần buộc chị Th và anh H mỗi người phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện ½ giá trị hợp đồng đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/6/2020.

Đối với khoản vay 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), như anh H trình bày, Phòng giao dịch xác định quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Th và anh H đã trả xong cho Phòng giao dịch (mỗi người trả ½ tiền gốc và lãi phát sinh), nên Phòng giao dịch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 235; 266; 267; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 27; 37; 56; 60; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th và xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Tạ Xuân H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Tạ Thị Kiều Tr, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Tạ Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011 cho anh Tạ Xuân H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Nguyễn Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Không chấp nhận yêu cầu của anh Tạ Xuân H về việc yêu cầu chị Th trả cho anh H số tiền nuôi một cháu trong thời gian từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 3 năm 2019 là 34.000.000đồng (Ba mươi tư triệu đồng) và không chấp nhận yêu cầu của anh H về việc yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung một lần với số tiền 108.000.000đồng (Một trăm linh tám triệu đồng); chấp nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th, chị Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H cho cháu Tạ Thị Kiều Tr và cháu Tạ Tuấn A là 1.000.000đồng/cháu/tháng (Một triệu đồng/cháu/tháng) đến khi cháu Tr và cháu A trưởng thành (Đủ 18 tuổi), thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 9/2019 trở đi; phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

4. *Về công nợ:* Chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện ½ Hợp đồng tín dụng theo sổ vay vốn mã món vay số 6600000704513434 với số nợ gốc là 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) và lãi phát sinh khi đến hạn trả nợ, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/6/2020. Anh Tạ Xuân H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện ½ Hợp đồng tín dụng theo sổ vay vốn mã món vay số 6600000704513434 với số nợ gốc là 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) và lãi phát sinh khi đến hạn trả nợ, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/6/2020.

Khoản tiền phải trả; khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nghĩa vụ đến hạn trả nợ cuối cùng (đối với khoản tiền phải trả) và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Th, anh Tạ Xuân H chậm trả, chị Th chậm cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả, chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

5. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006248, ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên chị Th phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Tạ Xuân H và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Yên không phải chịu án phí.

Chị Nguyễn Thị Th và đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tạ Xuân H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Đức Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyến

